

Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS
từ 10/09/2026)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Loại: CDN - Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng (HNX) ra khỏi Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/09/2026.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/09/2026 sẽ bao gồm 350 mã chứng khoán (trong đó 261 mã chứng khoán sàn HSX và 89 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 164/2026/QĐ-TGD ngày 08 tháng 09 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
TI VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Thị Hoài Thu

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 10/09/2026

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
1	AAA		1	BAB
2	ACB		2	BAX
3	ACG		3	BCF
4	ACL		4	BVS
5	ADS		5	C69
6	AFX		6	CAP
7	AGG		7	CEO
8	AGR		8	CLH
9	ANT		9	CSC
10	ANV		10	CST
11	ASM		11	CTB
12	AST		12	DNP
13	BAF		13	DP3
14	BCM		14	DTD
15	BFC		15	DXP
16	BHN		16	EVS
17	BIC		17	GIC
18	BID		18	GMX
19	BKG		19	HJS
20	BMP		20	HMR
21	BRC		21	HUT
22	BSI		22	HVT
23	BSR		23	IDC
24	BTP		24	IDV
25	BVH		25	INN
26	BWE		26	IPA
27	CDC		27	KSF
28	CHP		28	KSV
29	CII		29	L18
30	CKG		30	L40
31	CLC		31	LAS
32	CLL		32	LHC
33	CMG		33	MAC
34	CNG		34	MBG
35	CRC		35	MBS
36	CRE		36	MDC
37	CSM		37	MST
38	CSV		38	MVB
39	CTD		39	NAG

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
40	CTF		40	NBC
41	CTG		41	NDN
42	CTI		42	NET
43	CTR		43	NFC
44	CTS		44	NTH
45	CVT		45	NTP
46	D2D		46	PBP
47	DBC		47	PCE
48	DBD		48	PCH
49	DC4		49	PGS
50	DCL		50	PLC
51	DCM		51	PMC
52	DGW		52	PPT
53	DHA		53	PSD
54	DHC		54	PSI
55	DHG		55	PSW
56	DIG		56	PVB
57	DMC		57	PVC
58	DPG		58	PVG
59	DPM		59	PVI
60	DPR		60	PVS
61	DRC		61	S99
62	DRL		62	SCG
63	DSE		63	SGC
64	DSN		64	SJE
65	DVP		65	SLS
66	DXG		66	SZB
67	DXS		67	TA9
68	EIB		68	TD6
69	ELC		69	TDT
70	EVF		70	TFC
71	EVG		71	TIG
72	FCN		72	TMB
73	FIR		73	TNG
74	FIT		74	TPP
75	FMC		75	TTT
76	FPT		76	TV4
77	FRT		77	TVC
78	FTS		78	TVD
79	GAS		79	VBC
80	GEE		80	VC3
81	GEG		81	VC7
82	GEL		82	VCS

NG
 PH
 K
 G
 I
 A
 N
 AM -

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
83	GEX		83	VFS
84	GHC		84	VGS
85	GMD		85	VHE
86	GSP		86	VNF
87	GVR		87	VNR
88	HAG		88	VTZ
89	HAH		89	WCS
90	HAR			
91	HAX			
92	HCM			
93	HDB			
94	HDC			
95	HDG			
96	HHP			
97	HHS			
98	HHV			
99	HII			
100	HMC			
101	HPA			
102	HPG			
103	HPX			
104	HQC			
105	HSG			
106	HSL			
107	HT1			
108	HTG			
109	HTI			
110	HTN			
111	HUB			
112	HVH			
113	IDI			
114	IJC			
115	ILB			
116	IMP			
117	ITC			
118	KBC			
119	KDC			
120	KDH			
121	KHG			
122	KHP			
123	KOS			
124	KSB			
125	LBM			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
126	LCG			
127	LHG			
128	LIX			
129	LPB			
130	LSS			
131	MBB			
132	MCH			
133	MCM			
134	MIG			
135	MSB			
136	MSH			
137	MSN			
138	MWG			
139	NAB			
140	NAF			
141	NBB			
142	NCT			
143	NHH			
144	NKG			
145	NLG			
146	NNC			
147	NT2			
148	NTC			
149	NTL			
150	NVL			
151	OCB			
152	OPC			
153	ORS			
154	PAC			
155	PAN			
156	PC1			
157	PDN			
158	PDR			
159	PET			
160	PGC			
161	PGD			
162	PGI			
163	PHC			
164	PHR			
165	PLP			
166	PLX			
167	PNJ			
168	POW			

T
 Y
 N
 OÁ
 N-
 I
 P P

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
169	PPC			
170	PTB			
171	PTC			
172	PVD			
173	PVP			
174	PVT			
175	QCG			
176	RAL			
177	REE			
178	RYG			
179	SAB			
180	SAM			
181	SBA			
182	SBT			
183	SCR			
184	SCS			
185	SGN			
186	SGR			
187	SHB			
188	SHI			
189	SHP			
190	SIP			
191	SJD			
192	SJS			
193	SKG			
194	SMB			
195	SRC			
196	SSB			
197	SSI			
198	STB			
199	SZC			
200	SZL			
201	TAL			
202	TBC			
203	TCB			
204	TCH			
205	TCI			
206	TCL			
207	TCM			
208	TCO			
209	TCT			
210	TCX			
211	TDC			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
212	TDM			
213	TDP			
214	TEG			
215	THG			
216	TIP			
217	TLD			
218	TLG			
219	TMP			
220	TMS			
221	TN1			
222	TNT			
223	TPB			
224	TRA			
225	TRC			
226	TTA			
227	TV2			
228	TVB			
229	TVS			
230	VAB			
231	VCB			
232	VCG			
233	VCI			
234	VCK			
235	VDP			
236	VDS			
237	VFG			
238	VGC			
239	VHC			
240	VHM			
241	VIB			
242	VIC			
243	VIP			
244	VIX			
245	VJC			
246	VND			
247	VNL			
248	VNM			
249	VOS			
250	VPB			
251	VPI			
252	VPL			
253	VPX			
254	VRC			



Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
255	VRE			
256	VSC			
257	VSH			
258	VTO			
259	VTP			
260	VVS			
261	YEG			